TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:51/2017/HNGĐ-ST
Ngày:06-12-2017.
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Cường

2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang: không tham gia phiên toà

Ngày 06 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:191/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:47/2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Thị Mỹ D**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Lê Văn T**, sinh năm 1986.

Đăng ký thường trú: Ấp D, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam M, địa chỉ ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa có mặt chị D, vắng mặt anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T sống chung với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/9/2010. Quá trình sống chung vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh T vi phạm pháp luật, bị bắt và hiện tại đang

chấp hành án tại Trại giam M. Vợ chồng đã không còn sống chung khoảng 03 năm nay. Chị nhận thấy mục đích hôn nhân giữa chị và anh T không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung tên là Trần Lê Tâm P, sinh ngày 26/8/2010, cháu đã sống chung với chị từ khi cháu mới sinh ra cho đến nay. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu cho đến khi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

* Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Mỹ D kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do anh phải chấp hành án tại Trại giam nên không lo được cho vợ con, vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2012 đến nay. Nay chị D yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị D có một con chung tên là Trần Lê Tâm P, sinh ngày 26/8/2010, cháu đang sống chung với chị D. Khi ly hôn anh đồng ý để chị D tiếp tục nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị D không có tài sản chung, không có nợ chung.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Văn T và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D tranh chấp yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lê Văn T, hiện anh T đang chấp hành án tại Trại giam M, địa chỉ ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn anh Lê Văn T đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ D và anh Lê Văn T sống chung có đăng ký kết hôn năm 2010, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh T đã không còn khả năng đoàn tụ. Bởi lẽ

anh chị chung sống không hạnh phúc, chị D cho rằng anh T không lo làm ăn, có hành vi vi phạm pháp luật hình sự, bị xử phạt tù, hiện tại phải chấp hành án tại Trại giam. Chị và anh T đã không còn sống chung khoảng 03 năm nay, đồng thời anh T cũng đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị D, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị D không còn. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mỹ D.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị Mỹ D yêu cầu trực tiếp nuôi con tên Trần Lê Tâm P, sinh ngày 26/8/2010. Xét thấy cháu Trần Lê Tâm P đã sống chung với chị D từ lúc mới sinh ra cho đến nay và nguyện vọng của cháu cũng muốn tiếp tục sống với chị D, đồng thời ý kiến của anh T cũng đồng ý để chị D trực tiếp nuôi con chung. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị D có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ D được ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Lê Tâm P, sinh ngày 26/8/2010 cho chị Trần Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng: Anh Lê Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Trần Thị Mỹ D chưa có yêu cầu.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ D phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị Trần Thị Mỹ D đã nộp theo biên lai thu số 18828 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị D đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị Mỹ D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- UBND xã V, huyện C, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Thị Kim Hương